

Số: **14/2017/QĐST-HNGĐ**

Phước Long, ngày 02 tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Khổng Thị Xuân M - Sinh năm 1997; trú tại: Thôn H, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước và anh Trần Quang T - Sinh năm: 1992; trú tại: Thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Khổng Thị Xuân M - Sinh năm 1997

Trú tại: Thôn H, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Anh Trần Quang T - Sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị Xuân M và anh Trần Quang T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị M, anh T thống nhất sau khi ly hôn chị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quang T - Sinh ngày 18/02/2016 cho đến khi thành niên đủ (18 tuổi). Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Quang T có nghĩa vụ trả cho chị Khổng Thị Xuân M số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh T vẫn chưa trả số tiền trên cho chị M thì phải chịu thêm phần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy

định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Nợ chung: Chị M, anh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Không Thị Xuân M tự nguyện chịu 100.000 (Một trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0005556 ngày 26/12/2016.

Hoàn trả cho chị M số tiền 100.000 (Một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền trên.

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0005559 ngày 28/12/2016.

Hoàn trả cho chị M số tiền 25.000 (Hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền trên.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND TX. Phước Long;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
THẨM PHÁN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa